

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 02 NĂM HỌC 2021-2022 (CHÍNH THỨC)

Áp dụng từ: 21/02/2022

TT	Tên học phần	Giảng viên	Lớp HP	Số tiết/tuần	Thứ	Tiết BD - KT	Số		Phòng học
							Từ	Đến	
1	Pháp luật (DCC100220)	Nguyễn Thị Hà Phương	DCC10022001	3	Thứ Hai	1-3	35	70	H5
			DCC10022002	3	Thứ Hai	4-6	35	70	H5
			DCC10022003	3	Thứ Ba	7-9	35	70	H5
			DCC10022004	3	Thứ Sáu	1-3	35	70	H5
			DCC10022005	3	Thứ Sáu	4-6	35	70	H5
			DCC10022006	3	Thứ Ba	10-12	35	70	H5
			DCC10022007	3	Thứ Sáu	7-9	35	70	H5
			DCC10022008				35	70	
			DCC10022009				35	70	
			DCC10022010				35	70	
			DCC10022011				35	70	
			DCC10022012				35	70	
2	Giáo dục chính trị (DCC100280)	Nguyễn Quốc Điền	DCC10028001	5	Thứ Hai	1-5	35	70	H2
			DCC10028002	5	Thứ Năm	1-5	35	70	H2
			DCC10028003	5	Thứ Sáu	7-11	35	70	H2
			DCC10028004	5	Thứ Sáu	1-5	35	70	H2
		Đinh Thị Bắc	DCC10028005	5	Thứ Ba	1-5	35	70	H2
			DCC10028006	5	Thứ Năm	7-11	35	70	H2
			DCC10028007	5	Thứ Tư	1-5	35	70	H2
		Trần Thị Kim Oanh	DCC10028008	5	Thứ Ba	1-5	35	70	H3
			DCC10028009	5	Thứ Ba	7-11	35	70	H3
			DCC10028010	5	Thứ Năm	1-5	35	70	H1
			DCC10028011	5	Thứ Năm	7-11	35	70	H1
		Nguyễn Thị Chuẩn	DCC10028012	5	Thứ Hai	1-5	35	70	H4
			DCC10028013	5	Thứ Hai	7-11	35	70	H3
			DCC10028014	5	Thứ Sáu	1-5	35	70	H3
			DCC10028015	5	Thứ Sáu	7-11	35	70	H3
		Hoàng Hải Đông	DCC10028016	5	Thứ Tư	7-11	35	70	H3
			DCC10028017	5	Thứ Ba	1-5	35	70	H1
			DCC10028018	5	Thứ Tư	1-5	35	70	H3
			DCC10028019	5	Thứ Hai	7-11	35	70	H4

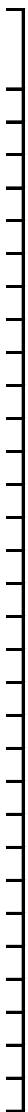
		Trần Dương Phương Anh	DCC10028020	5	Thứ Ba	7-11	35	70	H1
			DCC10028021				35	70	
			DCC10028022				35	70	
			DCC10028023				35	70	
			DCC10028024				35	70	
			DCC10028025				35	70	
			DCC10028026				35	70	
			DCC10028027				35	70	
			DCC10028028				35	70	
3	Giáo dục quốc phòng và an ninh (DCC100290)	Lâm Văn Vũ	DCC10029001	5	Thứ Tư	1-5	35	70	H1
		Ngô Văn Quang	DCC10029002	5	Thứ Sáu	1-5	35	70	H1
			DCC10029003	5	Thứ Sáu	7-11	35	70	H1
		Nguyễn Văn Úy	DCC10029004	5	Thứ Hai	1-5	35	70	H1
			DCC10029005	5	Thứ Hai	7-11	35	70	H1
4	Kỹ năng giao tiếp (DCK100010)	Nguyễn Việt Hương	DCK10001001	3	Thứ Năm	1-3	30	50	H5
			DCK10001002	3	Thứ Năm	4-6	30	50	H5
5	Giáo dục thể chất 1 (DCK100031)		DCK10003101				35	50	
			DCK10003102				35	50	
			DCK10003103				35	50	
			DCK10003104				35	50	
			DCK10003105				35	50	
			DCK10003106				35	50	
			DCK10003107				35	50	
			DCK10003108				35	50	
			DCK10003109				35	50	
6	Giáo dục thể chất 2 (DCK100032)	Nguyễn Đức Chánh	DCK10003201	2	Thứ Ba	8-9	35	50	SAN BONG
			DCK10003202	2	Thứ Ba	10-11	35	50	SAN BONG
			DCK10003203	2	Thứ Tư	1-2	35	50	SAN BONG
			DCK10003204	2	Thứ Tư	4-5	35	50	SAN BONG
			DCK10003205	2	Thứ Năm	1-2	35	50	SAN CAU
			DCK10003206	2	Thứ Năm	4-5	35	50	SAN CAU
		Trịnh Quốc Tuấn	DCK10003207	2	Thứ Hai	8-9	35	50	SAN VO CO
			DCK10003208	2	Thứ Hai	10-11	35	50	SAN VO CO
		Mai Thế Duy	DCK10003209	2	Thứ Năm	1-2	35	50	SAN BONG
			DCK10003210	2	Thứ Năm	4-5	35	50	SAN BONG
			DCK10003211	2	Thứ Hai	8-9	35	50	SAN BONG
			DCK10003212	2	Thứ Hai	10-11	35	50	SAN BONG
			DCK10003213	2	Thứ Tư	8-9	35	50	SAN BONG
			DCK10003214	2	Thứ Tư	10-11	35	50	SAN BONG
		Lê Minh	DCK10003215	2	Thứ Hai	1-2	35	50	SAN CAU
			DCK10003216	2	Thứ Hai	4-5	35	50	SAN CAU
			DCK10003217	2	Thứ Ba	8-9	35	50	SAN CAU
			DCK10003218	2	Thứ Ba	10-11	35	50	SAN CAU
			DCK10003219	2	Thứ Tư	8-9	35	50	SAN BONG

			DCK10003220	2	Thứ Tư	10-11	35	50	SAN BONG
			DCK10003221	2	Thứ Năm	8-9	35	50	SAN CAU
			DCK10003222	2	Thứ Năm	10-11	35	50	SAN CAU
		Bùi Trọng Khôi	DCK10003223	2	Thứ Ba	8-9	35	50	SAN BONG
			DCK10003224	2	Thứ Ba	10-11	35	50	SAN BONG
			DCK10003225	2	Thứ Hai	1-2	35	50	SAN BONG
			DCK10003226	2	Thứ Hai	4-5	35	50	SAN BONG
			DCK10003227	2	Thứ Sáu	1-2	35	50	SAN BONG
			DCK10003228	2	Thứ Sáu	4-5	35	50	SAN BONG
			DCK10003229	2	Thứ Sáu	8-9	35	50	SAN BONG
			DCK10003230	2	Thứ Sáu	10-11	35	50	SAN BONG
7	Pháp luật (DCT400030)		DCT40003001				30	50	
8	Ngữ văn 3 (DCT400160)	Võ Thanh Dũ	DCT40016001	5	Chủ Nhật	7-11	30	50	A102
9	Toán 3 (DCT400200)	Trần Trung Hậu	DCT40020001	9	Thứ Hai	13-15	30	50	A102
					Thứ Tư	13-15	30	50	A102
					Thứ Sáu	13-15	30	50	A102
			DCT40020002				30	50	
10	Vật lý 3 (DCT400240)	Phạm Đình Khải	DCT40024001	5	Thứ Bảy	1-5	30	50	A102
11	Hóa học 3 (DCT400280)	Trần Ngọc Dũng	DCT40028001	5	Chủ Nhật	1-5	30	50	A102
12	Lịch sử 3 (DCT400320)	Lê Văn Trọng	DCT40032001	3	Thứ Ba	1-3	30	50	A102
13	Địa lý 3 (DCT400350)	Nguyễn Việt Hương	DCT40035001	3	Thứ Năm	7-9	30	50	A104
14	Giáo dục chính trị (DCT400360)		DCT40036001				30	50	
15	Giáo dục quốc phòng và an ninh (DCT400370)		DCT40037001				30	50	

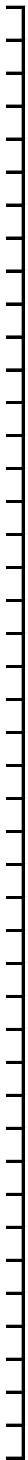
(Lưu ý: Lớp HP là Mã HP và thứ tự lớp HP. Ví dụ: HP toán cao cấp 1, lớp HP 1 mã lớp HP sẽ là: DCC10108101. Trong đó, mã HP: DCC101081; thứ tự lớp HP: 01).

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA



Biểu mẫu DT-BM3-QT4



Biểu mẫu DT-BM3-QT4

